

THƠ VIỆT NAM 1975 – 1985 VIẾT VỀ CHIẾN TRANH SAU CHIẾN TRANH**Nguyễn Hữu Công**

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: congnh@danang.gov.vn

Ngày nhận bài: 10/01/2021; ngày hoàn thành phản biện: 4/3/2021; ngày duyệt đăng: 15/4/2021

TÓM TẮT

Thơ Việt Nam thời hậu chiến (1975-1985) đã thay đổi về thi pháp xuất phát từ sự thay đổi về bối cảnh lịch sử - xã hội, từ đó, kéo theo sự thay đổi quan niệm về hiện thực và con người. Đề tài chiến tranh trong thơ 1975-1985 cũng có sự thay đổi đáng kể. Cách viết/ miêu tả con người trong chiến tranh của thời chiến đã thay bằng các viết/ miêu tả chiến tranh trong con người của thời bình với sự cắt nghĩa và lý giải khách quan, chân thật. Bài viết tiếp cận đề tài chiến tranh qua hai luận điểm chính: 1/ Nhận thức lại hiện thực chiến tranh và người lính. 2/ Cảm hứng ngợi ca, tự hào và ân nghĩa. Qua đó, chứng minh sự thay đổi “cái nhìn nghệ thuật” của tác giả và đặc điểm thi pháp của thơ giai đoạn này.

Từ khóa: Thơ Việt Nam 1975-1985, đề tài chiến tranh, nhận thức lại, thi pháp, đổi mới...

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học Việt Nam sau năm 1975 nói chung, thơ nói riêng đã có những thay đổi “cái nhìn nghệ thuật” về chiến tranh và con người trong chiến tranh. Nếu trước đây, nhà thơ chú trọng mô tả *con người trong chiến tranh* với ý thức công dân và trách nhiệm sâu sắc của họ trước Tổ quốc và nhân dân, thì nay, nhà thơ lại quan tâm đến *chiến tranh trong con người* với cái nhìn hiện thực nghiêm ngặt nhất để thấy mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, cá nhân và cộng đồng mà ở đó, các bước đi của lịch sử, của chiến tranh nằm trong ý thức và trong mỗi suy nghĩ, hành động của con người. *Chiến tranh trong con người* là cách chiếm lĩnh mới về hiện thực, giúp người đọc thấy được tính tích cực của con người trong việc làm chủ hoàn cảnh và cải tạo hoàn cảnh như thế nào trong đời sống chiến tranh ác liệt và bi kịch theo từng khả năng phán đoán và lựa chọn hành vi đạo đức của từng chủ thể.

Trong bài viết ngắn này, chúng tôi muốn từ thực tiễn thơ 1975-1985 để chỉ ra những đặc điểm thi pháp mới mẻ của thơ giai đoạn này trong việc chiếm lĩnh hiện thực

chiến tranh và con người trong chiến tranh khi nhà thơ có độ lùi hậu chiến 10 năm để nghiên ngẫm và thức nhận.

2. ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA THƠ VIỆT NAM 1975-1985 VIẾT VỀ CHIẾN TRANH SAU CHIẾN TRANH

2.1. Nhận thức lại hiện thực chiến tranh và người lính

Văn học cách mạng 1945-1975 tập trung vào chủ đề chiến tranh/ chiến đấu vì nền độc lập, tự do của đất nước. Thời đại với những chuyển biến lớn lao của lịch sử đã đem đến cho thơ giọng điệu lãng mạn cách mạng, đậm chất sử thi bắt nguồn từ những chiến công vang dội của dân tộc. “Giọng điệu thời đại đó” đã có tác dụng gắn kết cái tôi cá nhân của từng nhà thơ vào cái ta chung của cộng đồng. Mọi biểu hiện mang màu sắc cá nhân đều không phù hợp với tinh thần của cuộc kháng chiến. Trong bối cảnh đó, người lính trở thành nhân vật trung tâm, biểu hiện khát vọng, kết tinh vẻ đẹp tâm hồn và tinh thần quyết chiến, quyết thắng của con người Việt Nam. Từ anh vệ quốc quân trong văn học chống Pháp đến anh giải phóng quân trong văn học chống Mỹ - những người chiến sĩ mà cuộc đời và chiến công của họ trở thành niềm tự hào của dân tộc đã thu hút sự say mê sáng tạo của hầu hết người cầm bút. Văn học viết về chiến tranh trong giai đoạn này, chủ yếu khám phá con người từ phương diện xã hội, từ trách nhiệm công dân. Trong các sáng tác của mình, nhà văn, nhà thơ không xem xét con người ở bình diện cá nhân mà khám phá và thể hiện con người ở bình diện tập thể, cộng đồng, dân tộc, giai cấp. Con người của gia đình, làng xóm không còn trong phạm vi hẹp mà trở thành con người chung của cách mạng để làm nên sức mạnh kết đoàn của cộng đồng. Thơ Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, về sau là thể hệ các nhà thơ trẻ như Phạm Tiến Duật, Anh Ngọc, Nguyễn Đức Mậu, Lâm Thị Mỹ Dạ, Hoàng Nhuận Cầm... đều như vậy.

Sau năm 1975, cùng với hiện thực đa chiều, con người được nhìn nhận trong hoàn cảnh xã hội cụ thể với muôn mặt tốt - xấu, thiện - ác đan xen. Đặc biệt với sự thức tỉnh và trỗi dậy của cái tôi, quan niệm về con người cá nhân trở lại trong văn học nhưng phát triển ở một tầm cao mới so với văn học giai đoạn trước. Có thể nói, văn học thời kỳ này đã đưa con người về đúng vị trí và bản chất vốn có của nó. Bởi con người vừa là điểm xuất phát, vừa là đối tượng khám phá, vừa là cái mốc cuối cùng của văn học. Nếu trước đây với cảm hứng sử thi, văn học chủ yếu quan tâm đến con người trong các vai trò xã hội, thì cảm hứng chủ đạo trong các sáng tác của các tác giả thời kỳ này là cảm hứng nhân bản. Văn học đã lấy con người làm chất liệu, làm tiêu chuẩn để soi ngẫm mọi giá trị đời sống. “Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm và tâm điểm của nó là con người” (Nguyễn Minh Châu). Con người lúc này hiện ra như một tiểu vũ trụ với những bí ẩn, phức tạp, đòi hỏi những người cầm bút phải có khả năng tìm tòi, phân tích, nhận định. Chính vì lẽ đó, “con người được đưa vào văn học khám phá, soi chiếu ở nhiều bình diện và nhiều tầng bậc: ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời

sống tự nhiên, bản năng, khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát” [3, tr.16]. Điều dễ nhận ra, là trong phần lớn các tác phẩm văn học thời kì này, con người không còn đơn diện, mà là con người đa diện. Các tác giả không ngần ngại đi vào khai thác các yếu tố “nhạy cảm” nhất của con người. Vì thế người lính sau chiến tranh cũng được soi chiếu, khám phá ở nhiều khía cạnh, nhiều mức độ khác nhau, thể hiện “tính chất đa tạp, muôn màu, muôn vẻ của vũ trụ, của cái thế giới bao quanh con người và ngay trong nội tâm con người” (Nguyễn Minh Châu). Người lính được nhìn ở nhiều vị thế và trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ: con người xã hội, lịch sử, gia đình, gia tộc, con người với phong tục, thiên nhiên, với những người khác và với chính mình. Hình tượng người lính không còn được lí tưởng hóa, họ cũng sai lầm, cũng thường xuyên chiến đấu với phần bóng tối của mình. Đây chính là những điểm khác biệt, nổi bật của văn học viết về chiến tranh và người lính sau chiến tranh.

Sự nhận thức lại con người của nhà thơ, trước hết, đó là sự tự ý thức về chân dung tinh thần thế hệ cầm súng trong chiến tranh: “*Cả thế hệ xoay tròn đánh giặc/ Mặc quần đùi khiêng pháo lợi qua bùng*” (Thanh Thảo), “*Lúa cầm súng suốt một thời trai trẻ*” (Nguyễn Duy), “*Lớp tuổi 20, 30 điệp trùng áo lính/ xanh màu áo lính/ Đã từng sung sướng đã từng ghen ngào*”, “*Lòng không nguôi thương những cánh rừng này/ Nơi hàng vạn đũa con nằm nơi lưng đèo cuối dốc/ Dọc theo lối mòn chìm khuất dưới tầng cây.../ Nếu một ngày ta dựng những hàng bia/ Xin hãy để nơi đây những cuộc đời chưa bao giờ yên nghỉ*” (Thanh Thảo)... và cũng nghiêng về suy nghĩ, phân tích, lý giải về vị trí, sự ứng xử của mình: “*Người ta không thể chọn để được sinh ra/ Nhưng chúng tôi đã chọn cánh rừng phút giây năm tháng ấy*” (Thanh Thảo). Họ khẳng định mình như một thành viên của cuộc trường chinh giải phóng, nhưng thành viên ấy không hòa tan vào cộng đồng mệnh mông nhờ ý thức về chính mình, về số phận thế hệ mình:

*Thế hệ chúng ta không sống bằng kỉ niệm
Không dựa dẫm những hào quang có sẵn
Lòng vô tư như ngọn gió chướng trong lành.
Như sắc trời ngày nắng tự nhiên xanh...
...
Thế hệ chúng tôi
Nhìn rất rõ
mặt mình*

(Một người lính nói về thế hệ mình - Thanh Thảo)

Hiện thực chiến tranh được các nhà thơ tái hiện lại qua hồi tưởng của những người trong cuộc với từng chi tiết hiện thực cụ thể:

*Chợt hiện về, thăm thăm núi non kia
dưới lá là hầm, là tầng, là vũng
là con sốt rét rừng vàng bủng
là muỗi, vét, bom, mìn, vực sâu, đèo tron...
Những đoàn quân đi xuyên Trường Sơn
ngủ ôm súng suốt một thời tuổi trẻ
đêm trăn trở đổ nhau:
bao giờ về thành phố?
(Nghe tắc kè kêu trong thành phố - Nguyễn Duy)*

Và cả những suy tư, day dứt khi nghĩ về sự hy sinh, ác liệt của những năm tháng chiến trường:

*Với những người chết bình thường
Thời gian không quý nữa
Nhưng tôi biết các anh
Đã cháy ruột cháy gan
Khi phải giữa đường nằm lại.
Mấy nắm đất khuất cây
đỉnh rừng mây bay
Yên lặng...
...
Các anh dõi theo hướng chúng tôi.
Miền Nam - cuối con đường gian khổ
Tai các anh chày vẫn nghe súng nổ
Và trọn tấm lòng đã về đó từ lâu...
(Các anh nằm giữa Trường Sơn - Thanh Thảo)*

Hay:

*Người bạn tôi không về tới nơi này
anh gục ngã bên kia cầu xa lộ
anh nằm lại trước cửa vào thành phố
giây phút cuối cùng chấm dứt cuộc chiến tranh
(Nghe tắc kè kêu trong thành phố - Nguyễn Duy)*

Con người - nhân vật trữ tình xuất hiện với tư cách là con người nhập cuộc, người tham gia lịch sử chứ không phải là người ngợi ca lý tưởng nên mọi lựa chọn đều đau đớn hơn, vất vả hơn và khắc nghiệt hơn. Họ đi đến chiến thắng không ung dung, thanh thản, vô tư mà trong sự xao động và thử thách thực tế thường xuyên của sự sống và nhân cách. Họ là những con người yêu hòa bình, yêu tự do, yêu sự sống nhưng bắt buộc phải cầm súng... Vẫn những vấn đề con người, chiến tranh, cuộc sống, tình cảm... nhưng lại được các tác giả cảm nhận một cách sâu lắng, đầy trăn trở: *"Tôi bước ra ngoài bậc cửa chiến tranh/ Trời đã cao xanh, đất đã bình yên/ Nhưng lòng còn khắc khoải/ Tôi sợ sự kiếm tìm/ Của những người mẹ mất con/ Những người vợ mất chồng"* (Xin đừng của riêng ai - Phạm Minh Tâm). Nếu trước kia, con người quên mình vì cộng đồng thì nay con người có nhu cầu khẳng định mình, thể hiện rõ những tình cảm riêng tư, những nỗi buồn thời cuộc: *"Chiến tranh qua rồi/ Không ai còn bấm đốt ngón tay/ Những người lính cùng thời với anh tóc chưa phai màu lửa/ Đâu chỉ là một chuyến đò đánh chìm duyên đôi lứa/ Trái tim trầm mình trong máu đỏ tươi/ Bây giờ anh vào tuổi bốn mươi/ Vẫn hốc hác khuôn mặt thời lính trận/ Manh áo, miếng cơm chưa ủ ấm nụ cười/ Lại giật thột lạnh người khi bắt gặp một bàn tay để ngửa"* (Sấp ngửa bàn tay - Hoàng Trần Cương). Thơ sau năm 1975 không né tránh những vấn đề cụ thể mà cố gắng chạm đến những miền còn chìm khuất, để hiểu hơn về đời sống nội tâm đầy phức tạp của con người. Đó là nhu cầu của các nhà thơ, cũng là mong mỏi, là đòi hỏi của công chúng. Có thể nói, nhờ khát vọng dân chủ, ý thức tôn trọng sự thật đã giúp các nhà thơ có cái nhìn hiện thực trần trụi, góc cạnh và chân thật hơn. Với chiều hướng này, các tác giả đã mở ra những bình diện mới trong lí giải, thể hiện về con người, về cuộc chiến. Các nhà thơ không chỉ ca ngợi hi sinh, chiến công, ý thức, khí phách của nhân dân mà còn thể hiện cả nỗi đau, mất mát tột cùng của nhân dân. Mà đây lại là phần cốt lõi của sự thật chiến tranh:

Một bàn thờ

Mùi một bát hương

Mùi một bằng Tổ quốc ghi công

Trên mái đầu tóc bạc.

(Thư mẹ - Lê Anh Dũng)

Sau chiến tranh, một sự thật nhức nhối khác lại hiện lên. Những dòng tin nhắn tìm người thân mất liên lạc trong chiến tranh liên tục xuất hiện trên Đài, trên Báo đến đâu lòng: *"Con - Mai Thị Tì/ quê ở Bùi Chu/ di cư năm 1954/ nay ở đâu tin cho cha biết..."*, *"Cha - Huỳnh Đình Thà/ ở Phú Thọ Hòa/ năm 1954 tập kết/ nay ở đâu cho con được biết..."*. Và biết bao hiện thực xót lòng khác vì chiến tranh chia cắt: *"Và/ anh tìm em/ và/ vợ tìm chồng/ những dòng tin như vết cứa của lòng/ bao nhiêu vết cứa của lòng/ đang liền lại cùng đất đai liền lại"* (Tìm thân nhân - Nguyễn Duy).

Hiện thực chiến tranh được nhìn từ nhiều phía: Ánh sáng và bóng tối, cao cả và thấp hèn. Các nhà thơ thể hiện rõ cảm hứng nhân đạo ở sự quan tâm đến những bất hạnh trong chiến tranh và những vấn đề của dân tộc, của cá nhân đặt ra sau cuộc chiến. Các nhà thơ nhìn về cuộc chiến với cái nhìn toàn cảnh, sâu sắc hơn. Trước đây, hiện thực thường cụ thể thì trong thơ sau 1975, chiến tranh chủ yếu hiện lên trong ý thức, được cảm nhận từ trong ký ức của những người trong cuộc, từng chứng kiến những khốc liệt của chiến tranh, những bất hạnh lớn nhất trong những nỗi bất hạnh. Từ đó, đã xác lập cái nhìn chín chắn hơn về những lễ được, mất của chiến tranh ngay chính bên trong, bên sâu của con người:

Sau chiến tranh

Cánh đồng hoang chông cày, vợ cấy

Nhường bạn “ngôi nhà tình thương”

Chẳng ham nói chuyện huân chương

Chiến công thuộc về đồng đội

(Gia tài người lính - Hải Đường)

Các nhà thơ giai đoạn này đi sâu vào phản ánh mặt sau của cuộc chiến, để phát hiện ra những vấn đề còn bỏ ngỏ mà văn học giai đoạn trước chưa kịp nói đến. Vì thế, sự khốc liệt của chiến tranh, chiều sâu tâm lý của nhân vật trữ tình, những trăn trở và giằng xé trong thế giới tinh thần của người lính hiện lên qua mỗi thi phẩm ngày càng rõ nét: “Giải phóng rồi gặp nhau ở thành phố Hồ Chí Minh/ Chúng ta cùng một tuổi/ Tôi phơi phới hồng hào, anh xanh xao gầy guộc/ Được giao một việc làm nhũn nhặn/ Anh không còn thời gian để học hành/ Công tác mới anh vụng về kém cỏi/ Chẳng lẽ tôi hèn hạ tự vỗ về rằng trong kiến thức tôi có máu anh đổ ra ở chuồng cọp/ Trả ơn anh bằng nương nhẹ xuê xoa/ Anh phải được kính trọng biết bao lần hơn thế/ Anh đang nhận cái bất công của sự thật, cái tàn nhẫn của cuộc đời đến tận cùng” (Đặng - Việt Phương). Qua những lời nói thật, người đọc thấy được chiến tranh hiện hữu không chỉ ở nỗi đau thể xác mà còn là nỗi đau tinh thần ẩn chứa bên trong khó nhìn thấy, khó nói nên lời, đòi hỏi mỗi người phải tự mình chiêm nghiệm lấy. Các nhà thơ đã kí thác, gửi gắm những tình cảm chân thành, làm thức dậy một thời đã qua và khai thác sâu thêm vào phẩm chất người lính trong chiến tranh cũng như hòa bình.

Chiến tranh không chỉ được nhìn từ những chiến công cao cả mà còn được nhìn từ những mất mát, đau thương với những nỗi đau trĩu nặng, nhức nhối. Từ điểm nhìn hiện tại, các nhà thơ nhìn sâu xa về lịch sử đất nước, một lịch sử oai hùng nhưng không ít đau thương, bất hạnh. Các nhà thơ đã góp phần làm cho thơ ca giai đoạn này có những khúc ca giàu tính nghệ thuật về số phận đất nước, nhân dân. Đây chính là cái nhìn đổi mới của thơ hậu chiến, viết về *chiến tranh trong con người* đầy tính nhân bản.

2.2. Cảm hứng ngợi ca, tự hào và ân nghĩa

Khái quát về thơ 10 năm hậu chiến, Hồ Thế Hà nhận xét: “So với thơ trước năm 1975, thơ sau 1975 đã tạo được bước chuyển biến mới bằng sự nhận diện bản chất cuộc sống. Từ đó, nhà thơ hướng ngòi bút của mình vào những nỗ lực có tính dự báo về chất, mở ra chiều hướng phát triển mới cho cả một nền thơ” [1, tr.177].

Thơ sau năm 1975, dư âm sử thi - cảm hứng ngợi ca, tự hào vẫn còn vang vọng trong những bài thơ về chủ đề chiến tranh, nhân dân, Tổ quốc, người lính... Âm hưởng sử thi vẫn tiếp tục là nguồn nuôi dưỡng tinh thần của thơ ca sau 1975 với những diễn ngôn ngợi ca chiến thắng, dự cảm hào hùng về một kỷ nguyên mới của đất nước:

*Thời gian không đợi
Cả trời đất vào xuân, cùng ta đồng khởi
Cho những mùa gặt lớn mai sau
Phải nhanh chân từ những bước đầu
Tổ quốc ta phải giàu phải mạnh
Ta sẽ đi như lao vào trận đánh”*

(Vào Xuân - Tố Hữu)

Với mỗi người lính, khi ra trận, mọi người đều ý thức rằng chiến đấu là để bảo vệ nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Đó là cuộc chiến giữa tình yêu thương chống lại sự độc ác, giữa khát vọng sống chống lại sự hủy diệt điên cuồng và tàn bạo của kẻ thù. Tình yêu Tổ quốc là lẽ sống lớn lao mà các thế hệ tự dâng hiến, tình yêu đó đã được nhìn nhận bằng chiều sâu tâm lý của con người thời đại: “Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc” (Những người đi tới biển - Thanh Thảo). Biểu hiện ý thức trách nhiệm của thế hệ đây cao cả, song đó cũng là một sự lựa chọn không đơn giản mà nhiều trăn trở. Với việc phát hiện ra sự hoán đổi giữa việc “tự dâng hiến đời mình” và “không ai không tiếc đời mình” cho Tổ quốc đã thể hiện được chiều sâu nhận thức không phải ở cá nhân riêng lẻ mà được nâng lên tầm thế hệ, ý thức công đồng. Với những người lính thì: “Tổ quốc bây giờ là thịt, là da/ Đâu, ở đâu cũng trên mình Tổ quốc” (Xin đừng của riêng ai - Phạm Minh Tâm), chỉ là một cách nói bình dị nhưng chứa đựng tính triết lý cao cả của sự cống hiến. Chiến thắng vĩ đại của dân tộc được làm nên bởi hàng vạn con người biết hi sinh vì mục đích cao cả đó. Sự tồn vong của Tổ quốc nằm trong chiều sâu suy nghĩ và hành động của người lính. Những bước đi của lịch sử hình thành trong sự lựa chọn hành vi đạo đức của con người trong từng thời điểm căng thẳng và ác liệt nhất của đời sống chiến trường.

Những người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, ý thức về trách nhiệm thế hệ là một sự tự giác, gắn bó với vận mệnh của dân tộc. Cuộc đời của mỗi con người có

rất nhiều con đường để chọn, nhưng những người lính đã chọn cho mình con đường ra trận và nếu được tái sinh người lính chỉ ước có một điều giản dị: “*Được cầm súng vì linh thiêng đất nước/ Xin ước mong tuổi trẻ có hai lần*” (Nguyễn Đức Mậu). Một sự khẳng định đầy quyết tâm, đầy nhiệt huyết, bởi họ hiểu rằng mình phải cầm súng vì: “*Cũng không có viên đạn từ ngực ta bay đi/ Nếu không có viên đạn kẻ thù nhằm ngực ta bay tới*” (Nguyễn Duy). Đó chính là lẽ đương nhiên, nếu không, chúng ta sẽ trở thành nạn nhân và bi kịch của cái ác.

Những người lính tham gia cuộc chiến khi còn rất trẻ nhưng họ lên đường đánh giặc tự tin kiêu hãnh. Họ chấp nhận cuộc sống gian khổ, thiếu thốn nơi chiến trường khắc nghiệt để đánh thắng kẻ thù. Ngay từ đầu, họ đã nhận thức được trách nhiệm nặng nề của mỗi người đối với lịch sử dân tộc. Cả một thế hệ thể hiện tình yêu Tổ quốc không phải bằng lời nói suông mà bằng hành động. Họ tự hào vì được ra trận cùng những năm đất nước khốc liệt nhất:

*Trường Sơn một thời chẳng thể nào quên
Những binh đoàn sống giữa rừng xanh sống trong lòng đất
Ngủ võng ngủ hầm/ Lính trẻ lưng còng dáng lệch
Chính ủy tuổi năm mươi bạc trắng đầu
Cô gái thanh niên xung phong tóc rụng da nhàu
.....
Chẳng thể tránh thứ bom tọa độ
Thường rơi bất thần trong giấc ngủ, bữa ăn
Mảnh bom phạt ngang/ Rắn độc quấn chân
Chất độc da cam ngấm vào cây cỏ*

(Mây trắng - Nguyễn Thái Sơn)

Qua sự đồng hiện này, khiến ta nhớ đến bài thơ *Đường ra mặt trận* của Chính Hữu viết thời chiến tranh đầy vui tươi, hăm hở: “*Những buổi vui sao, cả nước lên đường/
Xao xuyên bờ tre, từng hồi trống giục/ Xóm dưới làng trên, con trai con gái/ Xôi nắm com đùm,
ríu rít theo nhau/ Súng nhỏ súng to, chiến trường chật chội/ Tiếng cười hăm hở, đây sông đây
cầu*”. Mọi người đều cảm nhận sự sung sướng được cầm súng ra trận cùng đoàn người vô tận chiến đấu và chiến thắng:

*Đất nước mình đây,
Hai mươi năm
mưa, nắng, đêm, ngày*

Hành quân không mới

Sung sướng bao nhiêu: tôi là đồng đội

Của những người đi, vô tận, hôm nay.

Cảm xúc về tình yêu Tổ quốc, quê hương không xa lạ mà hiện lên thật gần gũi, ý nghĩa qua dấu chân của người lính: “*Mẹ ơi, chúng con hành quân trong đêm mưa/ Mưa đến nổi ngôi sao cuối cùng phụt tắt/ Chúng con mắc võng trên Trường Sơn/ Nhiều đến nỗi nhìn cây là quen mặt/ Những dốc “Cổng trời” đèo “Chim gãy cánh”/ chúng con qua/ Tên quê hương khắc vào cây chót vót/ Dày đến nỗi rừng sâu thành đất nước*” (Những ngôi sao của mẹ - Thanh Thảo). Tuổi trẻ nhiều mơ ước, nhiều hoài bão, nhưng giữa nhiều chọn lựa, người lính vẫn đặt hai tiếng Tổ quốc thiêng liêng lên hàng đầu. Họ yêu Tổ quốc bằng tình yêu mang đậm màu sắc thế hệ, gắn liền với nhân dân, quê hương, gia đình, bản thân. Nhiều nhiều năm chiến đấu giành độc lập, hình ảnh Tổ quốc hiện lên trong thơ càng gần gũi, nhiều như núi như sông. Tình yêu Tổ quốc trong trái tim người lính, không còn là khái niệm trừu tượng mà trở nên máu thịt: “*Tiếng Tổ quốc không còn là danh từ trừu tượng/ Đã trở thành thân quen/ Ngôi nhà, gốc cây, đường cái, góc sân/ Tổ quốc hợp thành từ những gì bình dị nhất*” (Ấn tượng về mẹ - Phạm Quang Đầu) và trở thành tiếng hát ngợi ca:

Có phải những gì ta yêu thương

Đã ra đi, sẽ quay về nơi ấy

Mỗi cánh rừng bom xăng làm rụi cháy

Lại trời lên từ sắc đỏ dòng sông

(Tình yêu Sông Hồng - Thanh Thảo)

Chiến tranh kết thúc, người lính từ già những cánh rừng đã che chở mình suốt những năm tháng chiến đấu. Rồi chợt quên, nhưng nghe một tiếng tắc kè kêu trong thành phố “*lại giật mình*”, bao nhiêu nỗi nhớ hiện về xanh sông, xanh núi:

Chợt hiện về, thăm thăm núi non kia

dưới lá là hầm, là tầng, là võng

là con sốt rét rừng vàng bủng

là muối, vất, bom, mìn, vực sâu, đèo tron...

Những đoàn quân đi xuyên Trường Sơn

Ngủ ôm súng suốt một thời tuổi trẻ

(Nghe tắc kè kêu trong thành phố - Nguyễn Duy)

Cảm thức ân nghĩa, ân tình với nhân dân, đồng đội cũng được các nhà thơ thể hiện nhiều trong giai đoạn này, mang ý thức tự thú, day dứt để biết lựa chọn cách sống và hành vi đạo đức của mỗi người lính trong thời bình: “*Ngửa mặt lên nhìn mặt/ có cái gì rưng rưng/ như là đông là bể/ như là sông là rừng/ Trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giết mình*” (Ánh trăng - Nguyễn Duy).

Với thế hệ các nhà thơ chống Mỹ, “trữ tình công dân vẫn là mạch nguồn quan trọng. Cảm hứng ca ngợi, trước hết là một thái độ, một rung động chân thành trước thực tế đất nước đang phải đối mặt với cuộc chiến tranh mới. Tình cảm công dân, tinh thần yêu nước, giờ đây, lại có cơ hội bùng lên ở mỗi người, nhất là với nhà thơ - những chủ thể nhạy cảm và tinh tế. Mặt khác, những giá trị tinh thần cộng đồng được tồn tại bền vững qua nhiều thời gian, trong những ngày kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, càng được khẳng định chói sáng, không dễ dàng nhanh chóng bị phai nhạt. Hơn nữa, chính các nhà thơ đã từng nếm trải những gian lao, thử thách, hy sinh và tự nguyện, tự giác hòa chung một giọng điệu, cất cao lời thơ ca ngợi đất nước do những yêu cầu tất yếu lịch sử. Vì vậy, hậu chiến, hoàn cảnh còn tương đồng, tâm trạng vẫn chưa thôi những xúc động về Tổ quốc nhân dân” [3, tr.361]. Nhân dân hiện lên trong thơ giai đoạn này trong những cảm nhận cụ thể, sinh động, sâu sắc hơn: chiến công và cái giá phải trả, chiến thắng và những mất mát hi sinh. Phẩm chất của mỗi cá nhân thể hiện và thử thách ở nhiều môi trường, nhiều trạng thái tình cảm, có khi đến khốc liệt. Con người phải gồng lên chịu đựng: *Mẹ lại ngồi vót chông của Anh Ngọc, Đằng sau tiếng súng, Lời ru đồng đội của Nguyễn Duy, Những người lên biên giới của Hữu Thịnh, Gặp những người bắn tỉa ở thị trấn Móng Cái của Hoàng Nhuận Cầm, Xe dừng ở Tả Xín Hồ, Bếp lửa Lũng Cú của Vương Trọng, Đêm ở Đồng Đăng của Lữ Huy Nguyên...* là những điển hình cho trạng thái tình cảm đó. Cảm hứng ngợi ca trong thơ giai đoạn 1975-1985 đã trầm tĩnh và bớt đi cái sôi nổi, đồng dạng, chính luận một thời; niềm vui giờ đã lắng lại, nỗi đau mất mát đã thấm sâu, gợi lên những suy tư, chiêm nghiệm. Con người được đặt vào trung tâm những đối sánh, đối cực: quá khứ - hiện tại, mất - còn, vinh quang - cay đắng, hiện thực - lý tưởng ... để làm nổi bật những chịu đựng hi sinh lớn lao của nhân dân. Chỉ thấy chiến thắng, không thấy được hoặc mơ hồ trước những tấm gương cao cả và bi kịch của nhân dân, sẽ rất dễ thờ ơ với những gì có liên hệ máu thịt với nhân dân, nếu không muốn nói là vô ơn, bạc nghĩa.

Âm hưởng ngợi ca giờ đây lại vang lên ở những bài thơ viết về nhân dân trong cuộc sống lao động thời bình với một niềm vui tái sinh và ý nghĩ triết mỹ mới. Có những bài thơ phác thảo sinh động bức tranh đất nước đang xây dựng với những công trình ngồn ngồn. Đất nước như một bài thơ “mới làm xong một nửa”, như một *Ký họa mùa xuân*:

Hỡi cô thợ xây

Dáng cô như cốc - rượu - đây - những ý thơ hay

*Ngày ngày - sỏi bọt
 Như đuổi theo một tình yêu làm ta chóng mặt
 Ta sẽ theo cô lên cao chót vót
 Ngang tâm mây bay
 Để trông vời đất nước - mà say*

(Cô thợ xây - Chính Hữu)

Viết về chiến tranh, về sự hồi sinh của đất nước, về lao động xây dựng, các nhà thơ hướng tới ca ngợi con người. Con người ở nhiều thế hệ, nhiều hoàn cảnh, tâm trạng với những tâm thế khác nhau. Con người hiện lên đúng như những quan hệ bản chất với cuộc sống mà chúng phải tồn tại. Con người vừa tự hào vừa chấp nhận hy sinh, vừa yên vui vừa lo toan, vừa chủ động vừa chịu đựng:

*Ta sống thật đây, gian khổ đêm ngày
 Mà cứ tưởng bay trong mơ ước
 Bữa cơm khoai, ít cá nhiều rau
 Mà ngăn sông làm điện, khoan biển làm dâu
 Chân dép lợp
 Mà lên tàu vũ trụ.*

(Một nhánh xuân - Tố Hữu)

Xét đến cùng, cảm hứng ca ngợi trong thơ những năm đầu thời kỳ hậu chiến được quy định bởi không khí xã hội, thái độ của nhà thơ lúc đó. Xã hội cần ổn định, phát triển, cần khẳng định những việc đã qua là đúng, là chân lý đáng tự hào. Và hiện tại là đẹp, đáng sống, đáng yêu dù hiện tại còn bộn bề vất vả, nhưng đất nước sẽ tươi đẹp, mạnh giàu. Suy nghĩ ấy, tâm trạng ấy được bảo đảm bằng quá khứ của dân tộc và cả tương lai, bởi những khát khao, hy vọng thì không bao giờ thiếu vắng. Các nhà thơ sống qua những năm tháng ngặt nghèo chiến tranh, bom đạn, đói khổ, mất mát, bây giờ được bình yên lao động, sáng tạo, tin yêu:

*Cánh đồng như thực như mơ
 Bát ngát giữa mùa gặt hái
 Những sông rạch phù sa no bãi
 Những cù lao mỡ màu như con thuyền buồm neo
 Vầng trăng đêm nào nghiêng treo
 Nhạc ngựa trong chiêm yên ả*

(An Giang - Lê Chí)

Các thế hệ nhà thơ cùng đứng vào dàn đồng ca, ca ngợi để giữ niềm tin, để định hướng sống. Nhà thơ từng được hưởng ân huệ của cách mạng, nhà thơ lần đầu sống trong thành quả cách mạng, càng thấy ý nghĩa của cuộc sống hiện tại, công lao của nhân dân. Sự chuyển đổi cái nhìn về hiện thực và phương thức tư duy để đổi mới thi pháp là nhu cầu của qui luật cuộc sống và chính qui luật thi ca mà quyết định trước tiên chính là nhu cầu của từng chủ thể sáng tạo/ nhà thơ trong từng bước ngoặt chuyển mình của lịch sử, của đời sống xã hội và con người.

3. KẾT LUẬN

Thơ Việt Nam 1975-1985 đã khép lại chặng hành trình đầy suy tư, trăn trở. Dù còn nhiều băn khoăn, day dứt trong việc tìm đường và định hướng nghệ thuật mới cho thời kỳ hậu chiến, nhưng các nhà thơ đã nhanh chóng vượt qua những khó khăn tạm thời đó để vươn lên chiếm lĩnh hiện thực mới về cuộc sống và con người trong thời bình và cả trong thời chiến để nhận thức mới về hiện tại và nhận thức lại về quá khứ. Qua đó, các nhà thơ muốn làm người tiên trạm cho tâm hồn và nghệ thuật để miêu tả bức tranh đời sống trong tính khách quan, chân thật; đồng thời muốn dự cảm tầm đón nhận mới cho nền thơ Việt trong giai đoạn tiếp theo một cách có cơ sở từ những thành tựu và hạn chế của thơ giai đoạn 10 năm hậu chiến. Và may thay, thơ giai đoạn này đã làm tròn trọng trách đó với tư cách là một loại hình nghệ thuật nhạy cảm, tiên phong bằng tiếng nói trữ tình dân chủ và nhân văn nhất. Thơ Việt Nam 1975-1985 là một chặng hành trình ngắn, nhưng là chặng hành trình có ý nghĩa như là sự nối tiếp của một dòng chảy thống nhất của mạch nguồn thơ Việt từ hành trình trước năm 1975 để mở ra chặng hành trình từ Đổi mới từ năm 1986 đến nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hồ Thế Hà (2018), *Thơ Việt Nam hiện đại - Thi luận và chân dung*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Mã Giang Lân (2017), *Tuyển tập nghiên cứu phê bình* (tập 1), Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Lê Lưu Oanh (1998), *Thơ trữ tình Việt Nam giai đoạn 1975-1990*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Vũ Văn Sỹ (1999), *Về một đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam (1945-1995)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Bá Thành (1993), "Tư duy thơ thời kỳ đổi mới đặt ra vấn đề gì?", *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 11.

**VIETNAM POETRY FROM 1975 – 1985
WRITING ABOUT WAR POST WARTIME**

Nguyen Huu Cong

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: congnh@danang.gov.vn

ABSTRACT

Vietnamese poetry in post-war time (1975-1985) due to the change of social-historical circumstances, has changed in poetic prosody; from then, has brought the change of conception on reality and humanity. The theme of war in the 1975 - 1985 poetry were also significantly changed. Now, the style of writing/depicting people in the war has been replaced by the one of that in the peacetime where its subject matters were looked at and explained truthfully and objectively. The article approaches the war subject through two main theoretical point: 1/ re-assess the reality of the war and the soldier. 2/ Inspiration of praise, pride, favour and gratitude whereby it proves the change on “artistic insight” of the authors and their poetical features of poetry in this period.

Keywords: Vietnamese Poetry 1975-1985, War Subject, re-awareness, poetic, renovation...



Nguyễn Hữu Công sinh ngày 15/02/1983 tại Quảng Nam. Ông nhận bằng cử nhân năm 2006, bằng thạc sĩ năm 2009 tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Hiện ông đang công tác tại Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, Đà Nẵng; đang là nghiên cứu sinh Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam hiện đại.

